

Bản án số: 82/2020/HS-ST
Ngày: 22 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Kim Thủy

Ông Lê Đình Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy - Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý 189/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/QĐXXST-HS ngày 04/02/2020, đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Võ Thị L**; tên gọi khác: không; sinh ngày 01 tháng 01 năm 1979 tại Đông Hải, Bạc Liêu; nơi thường trú: Ấp Thạnh 1, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: lớp 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn Th (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt khẩn cấp ngày 05/10/2019, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

Bị cáo từ chối Luật sư chỉ định.

**Bị hại: Đều có đơn xin xử vắng mặt.*

1. Phạm Ngọc D; sinh ngày 09/04/2005; Địa chỉ: ấp 3, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

2. Tống Thị Ánh Ng; sinh ngày 14/01/2004; Địa chỉ: ấp Tân Phú, Tân Hòa, Thành, Tân Phước, Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Phạm Ngọc D:

Ông Phạm Văn T; sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Th; sinh năm 1959; Đều có địa chỉ: ấp 3, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá Rai, Bạc Liêu, vắng mặt (ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị hại Tống Thị Ánh Ng:

Ông Tống Thành Tr; sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Lê Th sinh năm 1985; Đều có địa chỉ: ấp Tân Phú, Tân Hòa, Thành, Tân Phước, Tiền Giang, vắng mặt (bà Th có đơn xin xét xử vắng mặt)

**Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho các bị hại:* Luật sư Tạ Ngọc Vân - Văn phòng Luật sư Tạ Ngọc Vân và cộng sự, Đoàn Luật sư Tp Hà Nội, có mặt.

**Người làm chứng (Điều vắng mặt).*

- Hồng Văn V; sinh năm 1973; Địa chỉ Ấp Thạnh An, xã Long Điền, Đông Hải, Bạc Liêu.

- Bùi Thị H; sinh năm 1955; Địa chỉ: ấp Vinh Điền, Long Điền Tây, Đông Hải, Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thị L đã sang Trung Quốc lấy chồng và sinh sống ở Trung Quốc từ năm 2010, nên biết một số người đàn ông Trung Quốc bỏ một khoản tiền ra để mua phụ nữ Việt Nam về làm vợ, L nảy sinh ý định về Việt Nam tìm phụ nữ người Việt Nam để đưa sang Trung Quốc gả bán cho đàn ông Trung Quốc lấy làm vợ, để được nhận tiền. Tháng 9/2019, L trở về quê ở tỉnh Bạc Liêu, Việt Nam. Thông qua anh Hồng Văn V (sinh năm 1973, trú tại Ấp Thạnh An, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu) làm nghề chạy xe ôm, nên L biết và gặp cháu Phạm Ngọc D (sinh năm 2005, trú tại ấp 3, xã Phong Thạnh A, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu), L nói chuyện với cháu D về việc L đưa Duyên sang Trung Quốc lấy chồng thì D và gia đình sẽ được nhận tiền 100.000.000đồng, do gia đình khó khăn muốn kiếm tiền giúp gia đình nên cháu D đồng ý.

Cùng thời điểm L có nói chuyện với bà Bùi Thị H (sinh năm 1955, trú tại: Ấp Vinh Điền, xã Long Điền Tây, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu) là hàng xóm cũ, xem ai có hoàn cảnh khó khăn có nhu cầu đi Trung Quốc lấy chồng thì giới thiệu cho L, bà H đồng ý. Bà H có nói chuyện này với con gái là Lý Thị Ph (sinh năm 1977). Sau đó Phượng nói lại với cháu Tống Thị Ánh Ng (sinh ngày 17/01/2004, trú tại: Hòa Thành, Tân Phước, Tiền Giang), cùng làm nhân viên ở căng tin Trường tiểu học Hậu Phòng A, phường Hậu Phòng, thị xã Giá Rai tỉnh Bạc Liêu với Ph. Khi vào làm cháu Nguyệt nói Ng đã 17 tuổi. Khi nghe Ph nói như vậy, do có hoàn cảnh khó khăn nên cháu Ng nói với Phượng là muốn đi Trung Quốc lấy chồng để có tiền giúp gia đình.

Ph về nói lại với bà H. Bà H đã điện thoại thông tin cho L về việc cháu Ng muốn đi Trung Quốc lấy chồng, L đồng ý. Biết cháu Ng chưa có chứng minh nhân dân, L yêu cầu Ng phải đi chụp ảnh đưa cho L đi làm chứng minh nhân dân dùng mua vé máy bay và làm sổ thông hành cho Ngu đi Trung Quốc. Cháu Ng đã chụp ảnh đưa cho L. Mặc dù L biết các thủ tục và thẩm quyền làm chứng minh nhân dân là do cơ quan nhà nước thực hiện, nhưng L không đưa cháu Ng đi làm chứng minh nhân dân theo quy định. Khi nhận được ảnh của cháu Ng, L đưa ảnh của Ng và tiền cho 01 người đàn ông ở Bạc Liêu (không rõ lai lịch địa chỉ) để nhờ làm chứng minh nhân dân giả cho cháu Ng. Sau khi đưa ảnh của cháu Ng cho người đàn ông trên khoảng 3 tiếng L đã nhận 01 chứng minh nhân dân số 371725793 mang tên Phạm Thị Kim L - sinh năm 1997, có dán ảnh cháu Ng do người đàn ông đó đưa cho, L đưa cho Ng và dặn phải nhớ tên như trong chứng minh nhân dân.

Sau đó L dùng chứng minh nhân dân của cháu D và chứng minh nhân dân giả mang tên Phạm Thị Kim L làm thủ tục mua vé máy bay cho D và Ng. Đến khoảng 20 giờ ngày 03/10/2019 L đón D và Ng rồi cùng đi ô tô khách di chuyển từ Bạc Liêu đến sân bay Tân Sơn Nhất - Thành phố Hồ Chí Minh. Đến 7 giờ sáng ngày 04/10/2019, L làm thủ tục tại sân bay rồi cùng hai cháu D, Ng đi máy bay từ thành phố Hồ Chí Minh đến Vân Đồn, Quảng Ninh. Sau đó đón xe ô tô khách đưa 2 cháu từ Vân Đồn đến thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh. L thuê phòng nghỉ tại nhà nghỉ Trung Hiền ở số nhà 03, phố Thương Mại, khu 1, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái, để cả 3 người cùng nghỉ. L liên hệ nhờ người làm giấy thông hành cho D và Ng để đưa sang Trung Quốc. Trong khi chờ để đưa 2 cháu sang Trung Quốc, cháu Ng không muốn đi Trung Quốc nữa đòi về nhưng L không đồng ý, Ng đã nhắn tin cho bạn là anh Trần Hoàng T để nhờ Công an giúp đỡ. L phát hiện cháu Ng nhắn tin nên đã yêu cầu Ng khóa sim điện thoại không được liên lạc với ai. Sau đó, nhân lúc L không để ý, cháu Ng đã bật điện thoại bắt WIFI nối mạng Internet để anh T định vị, biết vị trí Ng đang ở đâu.

Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, Công an phường Trần Phú nhận được tin báo từ anh Trần Hoàng T, đã kiểm tra hành chính phát hiện tại phòng 103 nhà nghỉ Trung Hiền, số nhà 03, phố Thương Mại, khu 1, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái xác định Võ Thị L, cháu D, cháu Ng đang ở cùng để chờ L đưa D và Ng sang Trung Quốc. Võ Thị L, cháu D và cháu Ng đã được mời về trụ sở Công an Móng Cái làm việc.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Móng Cái đã xác minh làm rõ hành vi của Võ Thị L và bắt giữ khẩn cấp đối với L.

Vật chứng thu giữ của L: 01 chứng minh nhân dân số 385121956, 01 hộ chiếu số B5112563 đều mang tên Võ Thị L; 02 điện thoại OPPO; 01 vé máy bay giành

cho khách hàng Võ Thị L. 01 cardvisit của hãng xe Ngọc Ánh điếm nhận khách Cà Mau - Hộ Phòng - đi thành phố; 03 cardvisit của hãng xe Hoàng Cầm chạy tuyến Móng Cái - Vân Đồn, 02 cardvisit ghi chữ nước ngoài; 44 tờ tiền mệnh giá 100 nhân dân tệ (4.400NDT) và 22 tờ tiền mệnh giá 500.000đồng (11.000.000đồng) (bút lục 14, 15).

Thu giữ của cháu D: 01 chứng minh nhân dân số 385898235, 01 giấy thông hành, 01 vé máy bay, 01 bản phôtô giấy khai sinh đều mang tên Phạm Ngọc D (bút lục 189).

Thu giữ của cháu Ng: 01 chứng minh nhân dân số 371725193; 01 giấy thông hành, 01 vé máy bay đều mang tên Phạm Thị Kim L. (bút lục 150).

Tại bản kết luận giám định số 171 ngày 28/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ninh kết luận: Giấy chứng minh nhân dân số 371725193 mang tên Phạm Thị Kim L bị cắt dán thay ảnh, nội dung không bị sửa chữa, tẩy xóa. (Bút lục 76).

Quá trình điều tra bị cáo Võ Thị L đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. L còn khai: Việc biết cháu D có nhu cầu đi Trung Quốc lấy chồng là do người tên là D (Không rõ lai lịch địa chỉ cụ thể) giới thiệu, khi D đưa cho L chứng minh nhân dân của D có nói là D sinh năm 2005. Bà Bùi Thị H (tức Chế hai) là người giới thiệu cháu Ng cho L, bà H nói cháu Ng 17 tuổi, chưa có chứng minh nhân dân, L đã bỏ ra 1.000.000đồng làm chứng minh nhân dân giả cho Ng để dùng chứng minh nhân dân giả này làm thủ tục đưa Ng sang Trung Quốc. V chỉ là xe ôm chở L đi lại trong thời gian L ở Bạc Liêu. Việc đưa D và Ng từ Bạc Liêu đến Móng Cái để sang Trung Quốc do một mình L thực hiện, không có ai tham gia, mọi chi phí cho chuyến đi do L bỏ tiền cá nhân ra chi trả. Trước đây L cũng đã đưa một vài người đàn ông Trung Quốc về Việt Nam giới thiệu cho họ lấy vợ, họ đã lấy được vợ và trả tiền công cho L, nên L biết số tiền một người Trung Quốc lấy vợ Việt Nam phải chi trả. Nếu L đưa được D, Ng sang Trung Quốc lấy chồng thì L sẽ được những người Trung Quốc trả cho L từ 5 đến 6 vạn nhân dân tệ/1 người (khoảng hơn 160 triệu đồng đến 190 triệu đồng), L sẽ chi trả cho D, Ng và người môi giới khoảng 140.000.00đồng còn lại là được hưởng, nhưng D và Ng chưa lấy được chồng nên L chưa nhận được tiền của ai và cũng chưa chi trả cho ai. (Bút lục 252 đến 265).

Với nội dung như trên, Bản Cáo trạng số 28/CT-VKSQN- P2 ngày 20/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh truy tố bị cáo Võ Thị L về các tội: “*Mua bán người dưới 16 tuổi*”; “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*; *tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 151; điểm b, khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Võ Thị L có lời khai tương tự quá trình điều tra, thừa nhận bị truy tố đúng người, đúng tội; chỉ xin được giảm nhẹ mức hình phạt vì phạm tội do thiếu hiểu biết, hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các bị hại cho biết: hiện tại các bị hại sức khỏe, tinh thần ổn định; Gia đình 2 bị hại không yêu cầu bồi thường; Đề nghị xử lý bị cáo nghiêm minh theo pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, giữ nguyên quan điểm đã truy tố; Sau khi phân tích các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra, cũng như diễn biến tại phiên tòa, đề nghị xử phạt bị cáo Võ Thị L từ 07 đến 08 năm tù về tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” và từ 03 đến 04 năm tù về tội “*sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; Cộng hình phạt chung phạt bị cáo từ 10 đến 12 năm tù; Đồng thời, đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo qui định.

Bị cáo Võ Thị L không tranh luận, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho các bị hại đồng tình với đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh về tội danh và hình phạt đối với bị cáo; nhưng đề nghị tịch thu, sung quỹ Nhà nước số tiền Nhân Dân tệ đã thu giữ của bị cáo, vì cho rằng số tiền này là công cụ phạm tội, dùng chi phí cho việc đưa 2 bị hại sang Trung Quốc.

Trong phần đối đáp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh cho rằng, hành vi phạm tội của bị cáo đã được ngăn chặn và chưa đủ căn cứ khẳng định toàn bộ số tiền Nhân Dân tệ đã thu giữ của bị cáo dùng chi phí cho việc đưa 2 bị hại sang Trung Quốc, nên vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị trả lại cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Võ Thị L thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại; Lời khai của những người làm chứng; Phù hợp với Biên bản kiểm tra hành chính; Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ và Bản ảnh hiện trường; Kết quả nhận dạng qua ảnh; Kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, đã có đủ cơ sở để xác định:

Ngày 04/10/2019, Bị cáo Võ Thị L đã có hành vi đưa 2 cháu Phạm Ngọc D (sinh ngày 04/9/2005) và Tống Thị Ánh Ng (sinh ngày 17/01/2004) từ tỉnh Bạc Liêu - Việt Nam sang Trung Quốc giao cho người đàn ông Trung Quốc (lấy làm vợ), để L được nhận tiền từ 50.000 nhân dân tệ đến 60.000 nhân dân tệ/1 người. Trong khi L đưa cháu D và cháu Ng từ Bạc Liêu đến nhà nghỉ Trung Hiền, thuộc khu 1, phường Trần Phú, thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Móng Cái phát hiện bắt giữ.

Để thực hiện hành vi trên, Bị cáo L còn có hành vi thuê người khác làm giả 01 chứng minh nhân dân cho cháu Tống Thị Ánh Ng và đã dùng chứng minh giả này mua vé máy bay, làm giấy thông hành để đưa cháu Ng từ Bạc Liêu sang Trung Quốc, gả bán cho người đàn ông Trung Quốc lấy Nguyệt làm vợ.

Hành vi của bị cáo Võ Thị L đã cấu thành tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” thuộc trường hợp “*đối với từ 02 đến 05 người*”, “*đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*” theo điểm c, đ khoản 2 Điều 151 - Bộ luật hình sự và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” thuộc trường hợp “*Sử dụng tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng*”, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự, như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 151 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây thì bị phạt tù từ 07 năm đến 12 năm:

a) Chuyển giao hoặc tiếp nhận người dưới 16 tuổi để giao nhận tiền, tài sản hoặc lợi ích vật chất khác trừ trường hợp vì mục đích nhân đạo;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm:

c) Đối với từ 02 người đến 05 người

đ) Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”.

Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

b) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”.

[3] Về tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được mức độ nguy hiểm của hành vi nhưng do hám lời, vẫn cố ý thực hiện. Hành vi mua phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm và quyền tự do của con người. Hiện nay, hành vi mua bán người đặc biệt đối tượng là trẻ em, để đưa ra nước ngoài đang có diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Hành vi làm giả tài liệu của cơ quan để thực hiện tội phạm, còn xâm phạm trực tiếp đến hoạt động bình thường của cơ quan Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước, làm ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan, tổ chức gây mất ổn định trật tự về an ninh tại địa phương. Do đó, cần phải xét xử bị cáo nghiêm khắc với mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, thì mới đảm bảo ý nghĩa giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm hiện nay.

[4] Về vai trò, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tình tiết tăng nặng: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

+ Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Mặt khác, Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt. Do đó, HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo cơ hội để cải tạo, sớm hòa nhập với gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình và bị cáo phạm tội chưa đạt, hành vi phạm tội đã được ngăn chặn kịp thời, nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về trách nhiệm bồi thường:

- Các bị hại và người đại diện của bị hại không có yêu cầu bồi thường, nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 11.000.000đồng Việt Nam và 4.400 NDT (gồm 44 tờ 100 NDT) thu của Võ Thị L và các giấy tờ tùy thân gồm: 01 chứng minh thư nhân dân, 01 hộ chiếu mang tên Võ Thị L, không liên qua đến hành vi phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 02 điện thoại thu giữ của bị cáo trong đó có 01 điện thoại di động OPPO màu hồng xanh - là công cụ dùng giao dịch trong việc phạm tội, nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước; Trả lại bị cáo 01 điện thoại OPPO màu xanh đen.

- Vật chứng là 06 Cardvisit; 02 giấy thông hành; 01 chứng minh nhân dân giả mang tên Phạm Thị Kim L; các sim điện thoại, 01 vé máy bay từ thành phố Hồ Chí Minh đến Vân Đồn không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về Án phí: Theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Võ Thị L phạm tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng: điểm c, đ khoản 2 Điều 151; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 15; khoản 3 điều 57; điểm a khoản 1 Điều 55 - Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Võ Thị L 08 (tám) năm tù về tội “*Mua bán người dưới 16 tuổi*” và 03 (ba) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; Cộng hình phạt 02 tội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 11 (*mười một*) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt 05/10/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Võ Thị L số tiền 11.000.000đ (mười một triệu đồng) và 4.400 NDT (bốn nghìn bốn trăm nhân dân tệ).

(Số tiền nêu trên được thể hiện tại Biên bản giao nhận tài sản số 73 BBN-KBNN QN giữa Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh và Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Ninh và Phiếu nhập kho gói gửi 799 cùng ngày 11/3/2020 của Kho bạc nhà nước Quảng Ninh).

- Trả lại bị cáo Võ Thị L 01 điện thoại OPPO màu hồng xanh; 01 chứng minh thư Nhân dân, 01 hộ chiếu mang tên Võ Thị Lại;

- Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại OPPO màu xanh đen thu của bị cáo Võ Thị L.

- Tịch thu, tiêu hủy các sim điện thoại; 06 Cardvisit; 02 Giấy Thông hành; 01 vé máy bay từ thành phố Hồ Chí Minh đến Vân Đồn; 01 Chứng minh Nhân dân giả mang tên Phạm Thị Kim L.

(Số vật chứng nêu trên được thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 77 ngày 10/3/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Quảng Ninh và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh).

[3] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Võ Thị L phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt người bị hại, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TTG Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Bị cáo; đại diện hợp pháp của bị hại;
- Luật sư;
- Cơ quan Thi hành án dân sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Vương

